

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/01/2023

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+PVD1	7:25	0+18	0+0		2+20	0+0	chuyen 1 td5- pvd1
2		MRRM+RP3	7:25	16+0	0+0		11+11	0+0	
3		TD2+BK16+BK8	7:25	15+0+0	0+0+0		12+2+8	0+0+0	
4		TTCl+P10+P1	7:25	0+5+14	0+0+0		0+6+16	0+0+0	chuyen 2 ttcl- p10
5		TGTH1+TGTH5+AMD	7:45	3+1+10	0+0+0		3+1+15	0+0+0	
6		P8+MRM	9:25	13+3	0+0		18+4	0+0	chuyen 1 p8- mrm
7		P4+BK6	9:45	13+0	0+0		14+8	0+0	
8		PVD1+MRM	9:25	9+7	0+0		9+13	0+0	
9		AMD+P5+CLO	9:25	5+13+0	0+0+0		4+15+3	0+0+0	
10		P4+BK8	11:25	11+0	0+0		17+5	0+0	
11		P3+P9	11:25	13+0	0+0		12+10	0+0	
12		P1+HSD+HST	11:25	11+2+4	0+0+0		15+3+2	0+0+0	
13		GTCl+BK9+CTK3	11:25	0+1+2	0+0+0		0+5+16	0+0+0	chuyen GTCl- CTK3chuyen 1 bk9-ctk3
14		BK21+P6+TD3	13:25	0+0+6	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 4 bk21- p6
15		TD3+P5	13:25	6+0	0+0		21+0	0+0	chuyen 1 P7- p5

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/01/2023	TO: TD5 - PVD1	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: NO 1	FROM: VT	CREW: HUNG - KHOAN - HIEU -	ETA: 09:10
XANH-1			

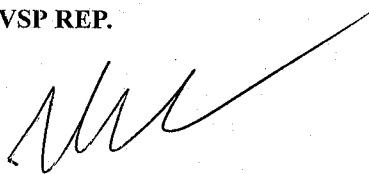
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO VĂN TIỀN	PVD1	49-50	2	10		60	PSV	Vietnamese
2	LÊ VĂN NGHĨA	PVD1	40	1	4		63	PSV	Vietnamese
3	ĐÌNH VĂN THƯƠNG	PVD1	36	1	5		57	PSV	Vietnamese
4	CHU VĂN TUOC	PVD1	41	1	6		74	PVD DD	Vietnamese
5	ĐÀO TIỀN THANH	PVD1	37-38	2	16		80	PVDWS	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HÙNG	PVD1	46-47	2	14		67	PVDWS	Vietnamese
7	TRẦN QUỐC HUY	PVD1	45	1	9		72	PVDWS	Vietnamese
8	TRẦN XUÂN NHẬT	PVD1	39	1	7		57	PVDWS	Vietnamese
9	LÊ TRỌNG NGHĨA	PVD1	35	1	9		79	PVDWS	Vietnamese
10	NGÔ SỸ THUẬN	PVD1	33-34	2	14		67	PVD DD	Vietnamese
11	NGUYỄN DUY SƠN	PVD1	44	1	6		68	PVDDD	Vietnamese
12	NGÔ THANH ĐOÀN	PVD1	48	1	8		52	PVD DD	Vietnamese
13	VŨ ĐỨC CĂN	PVD1	50	1	11		79	PVDO	Vietnamese
14	LÊ VIỆT THỰC	PVD1	52	1	5		82	PVDO	Vietnamese
15	HỒ ĐẠI PHƯƠNG	PVD1	53	1	5		73	PVDO	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN TIỀN	PVD1	42-43	2	14		50	PVDO	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC HẢI	PVD1	51	1	6		72	PVDO	Vietnamese
18	NGUYỄN BÌNH MINH	PVD1	32	1	5		72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	0	0	0	0	0	2	1	CHUYEN 01 PAX TU TD5 SANG PVD1
2	PVD1	18	23	154	1.224	0	20		
TOTAL		18	23	154	1.224	0	22		
WEIGHT KG				154	1.224	0			

GRAND TOAL: 1.378 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: NO 2	TO: MRM - RP3	CREW: VThắng - NPhú - Huy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ORUDZHEV SHUKURULLA	MRM	64	1	8		89	AMNGR	Russian
2	IAMASHEV ALBERT	MRM	91	1	12		72	AMNGR	Russian
3	BEKESHEV TROLBEK	MRM	87-88	2	18		70	AMNGR	Russian
4	LOGANOV VITALII	MRM	57	1	10		90	AMNGR	Russian
5	KUCHMII EGOR	MRM	65	1	15		105	AMNGR	Russian
6	DIACHUK DMITRII	MRM	63	1	10		67	AMNGR	Russian
7	KRIVOSHEEV MAKSIM	MRM	92-93	2	15		90	AMNGR	Russian
8	ZHIGALO ALEKSANDR	MRM	59	1	7		95	AMNGR	Russian
9	PAVLIUK VITALII	MRM	62	1	12		98	AMNGR	Russian
10	GRITSENKO VLADIMIR	MRM	94-95	2	13		79	AMNGR	Russian
11	ZHESTKOV ALEXEY	MRM	53-54	2	10		108	AMNGR	Russian
12	KRUGLOV OLEG	MRM	89-90	2	23		76	AMNGR	Russian
13	ROIK NIKOLAI	MRM	58	1	10		85	AMNGR	Russian
14	TYSYACHNIK ALEXANDR	MRM	55-56	2	15		86	AMNGR	Russian
15	KANUKOV NIKITA	MRM	66-67	2	22		83	AMNGR	Russian
16	VŨ THANH DƯƠNG	MRM	60-61	2	14		82	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	16	24	214	1.375	0	9		
2	RP3	0	0	0	0	0	13		
TOTAL		16	24	214	1.375	0	22		
WEIGHT KG				214	1.375	0			

GRAND TOAL: 1.589 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

pe lây đủ rồi



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/01/2023	TO: TD2 - BK16 - BK8	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Dương - Linh - QTrưởng	ETA: 09:20
Vang-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VANEEV DMITRIY	TD2	45	1	8		100	KHOAN	Russian
2	LÊ QUANG CUÔNG	TD2	50-51	2	18		80	KHOAN	Vietnamese
3	TRƯỜNG THANH TÙNG	TD2	61	1	2		74	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH ANH	TD2	47	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
5	HOÀNG VĂN BÁC	TD2					81	KHOAN	Vietnamese
6	PHAN MẠNH CUÔNG	TD2	62	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
7	NGÔ VĂN HUY	TD2	56-57	2	18		76	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ ANH QUÂN	TD2	52	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
9	ĐỖ NGUYỄN GIÁP	TD2	53-54	2	11		74	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ TIỀN ĐƯƠNG	TD2	48-49	2	14		70	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ PHU	TD2	58	1	10		62	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ XUÂN TRƯỞNG	TD2	55	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VĂN TÀI	TD2	59	1	7		79	PSV	Vietnamese
14	TRẦN TRỌNG ANH	TD2	60	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ TRƯỞNG LÂM	TD2	46	1	7		79	KHOAN	Vietnamese
16	ĐỖ KHÁC DẠ	TD2	44	1	7		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	16	19	132	1.202	0	12		
2	BK16	0	0	0	0	20	2		
3	BK8	0	0	0	0	30	8		
TOTAL		16	19	132	1.202	50	22		
WEIGHT KG				132	1.202	50			

GRAND TOAL: 1.384 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/01/2023	TO: TTC1 - P10 - P1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:45
FLIGHT: NO 4	FROM: VT	CREW: LHM - ĐỨC - TDUNG	ETA: 09:25
TRANG - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ ĐÌNH LỢI	P10	80	1	14		62	KH-THAC	Vietnamese
2	TRƯƠNG HỒNG HAI	P10	83	1	14		80	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG ĐỨC THUẬN	P10	81	1	14		78	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ HAI THẮNG	P10	82	1	17		73	DVL	Vietnamese
5	VŨ MẠNH NAM	P10	79	1	15		87	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC NINH	P10	84	1	13		72	DVL	Vietnamese
7	TRẦN VĂN TÙNG	P1	13	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ XUÂN QUY	P1	07	1	9		107	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN LANH	P1	05	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÌNH VĂN THẮNG	P1	04	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LE VĂN THẮNG	P1	02	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN THANH HAI	P1	11	1	10	10	74	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG VĂN TRỌNG	P1	12	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN KHÁNH DUY	P1				15	86	KH-THAC	Vietnamese
15	VI KHẮC THANH	P1	08	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
16	LƯU VĂN TUẤN	P1	14	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN KỶ	P1	09-10	2	15		72	YTE	Vietnamese
18	BUI HUY NGHIỆP	P1	06	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
19	LE VĂN TỰ	P1	01	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
20	HỒ HỮU CHUNG	P1	03	1	7		52	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	0	0	0	0	0	0	2	CHUYEN 2 TTC1 - P10
2	P10	6	6	87	452	0	6		
3	P1	14	14	85	995	25	16		
TOTAL		20	20	172	1.447	25	22		
WEIGHT KG				172	1.447	25			

GRAND TOAL: 1.644 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/01/2023	TO: TGTH1 - TGTH5 - AMD	AIRCRAFT: 616	ETD: 08:00
FLIGHT: NO 5	FROM: VT	CREW: NKhánh - TRƯỜNG	ETA: 9:45
NAU-1A			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRUNG KIẾN	TGTH1	94	1	11	11	93	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VIỆT ĐỨC	TGTH1	93	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ QUANG VIỆT	TGTH1	96	1	11		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN DINH SONG	TGTH1	92	1	4		51	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRUNG HIỆU	TGTH5				20	60	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM TUÂN HÀ	AMD	08	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
7	TRƯỜNG THẾ KHAI	AMD	09-10	2	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	YA LỘC	AMD	02-03	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM ANH NGŨ	AMD	12	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG THÀNH	AMD	15-16	2	13	40	60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MẠNH CÂN	AMD	05	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
12	CHU HỮU CHÍNH	AMD	01	1	3		54	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HIỆN	AMD	04	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VIỆT THĂNG	AMD	11	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẠO ĐỨC HUY	AMD	06-07	2	13		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH1	4	4	38	294	11	3		
2	TGTH5	1	0	0	60	20	1		
3	AMD	10	14	78	661	40	15		
TOTAL		15	18	116	1.015	71	19		
WEIGHT KG				116	1.015	71			

GRAND TOAL: 1.202 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: NO 6	TO: P8 - MRM	CREW: HUNG - KHOAN - HIEU	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ARUSHANOV SERGEI	P8	95	1	11		109	KHOAN	Russian
2	NGUYEN VAN XUAN	P8	500.	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN MINH HIEU	P8	05	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN TU DO	P8	94	1	7		64	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TAN PHUOC	P8	99	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN DUC DUC	P8	97-98	2	10		68	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG TRUNG HIEU	P8	04	1	6	37	72	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN VAN LEN	P8	03	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
9	VU DUC THANH	P8	02	1	6	20	66	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM XUAN HUY	P8	93	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN HOANG OANH	P8	08-09	2	9		83	KHOAN	Vietnamese
12	LE HUU HUNG	P8	92	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
13	KARPUNIN ALEXEY	P8	96	1	16		97	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN NGAN	P8	06	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
15	BUI THAI QUY	MRM	96	1	11		75	KHOAN	Vietnamese
16	LE HUYNH TRUNG	MRM	98-99,01	3	18		82	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN QUANG HUNG	MRM	97	1	4		78	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	14	16	95	1.018	57	14		CHUYEN 1 PAX P8-MRM
2	MRM	3	5	33	235	0	8		
TOTAL		17	21	128	1.253	57	22		
WEIGHT KG				128	1.253	57			

GRAND TOAL: 1.438 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/01/2023	TO: P4 - BK6	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: NO 7	FROM: VT	CREW: VThắng - NPhú - Huy	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MARZIEV M. M-C.	P4	26	1	11		85	KH-THAC	Russian
2	PODYMOV	P4	27-28	2	14		148	KH-THAC	Russian
3	ĐỖ HỮU NAM	P4	44	1	15		73	KH-THAC	Vietnamese
4	NINH QUỐC HỘI	P4	45	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ BẢO AN	P4	32	1	10		79	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÀO MINH TUÂN	P4	39	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN ANH ĐỨC	P4	31	1	6		90	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG KHẮC DŨ	P4	30	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VĂN CHIẾN	P4	41	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	42-43	2	14		55	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ TAM THỦY	P4	35	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
12	LÂM VĂN PHÚC	P4	40	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P4	29	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
14	DANG BA DIEU	P4	37-38	2	12		55	Y TE	Vietnamese
15	DINH VAN TOAN	P4	36	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THANH NGOC	P4	46	1	11		105	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	16	19	146	1.243	0	14		
2	BK6	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		16	19	146	1.243	0	22		
WEIGHT KG				146	1.243	0			

GRAND TOAL: 1.389 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/01/2023	TO: PVD1 - MRM	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: NO 8	FROM: VT	CREW: Lhài - ĐỨC - TDUNG	ETA: 11:35
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PVD1	95	1	8		67	PVDO	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	PVD1	93	1	5		73	PVDO	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU TRI	PVD1	97	1	6		71	PVDO	Vietnamese
4	PHẠM ANH SƠN	PVD1	92	1	7		79	PVDO	Vietnamese
5	TRẦN VĂN HOÀNG	PVD1	91	1	6		81	PVDO	Vietnamese
6	TRẦN TỰ LONG	PVD1	94	1	6		68	PSV	Vietnamese
7	ĐINH NGỌC HIỆU	PVD1	90	1	8		77	PVDWS	Vietnamese
8	PHẠM NGỌC HAI	PVD1	96	1	6		66	PVD	Vietnamese
9	DMITRI SADOVNICHENKO	PVD1	89	1	15		99	KHOAN	Russian
10	NGUYỄN VIỆT TRUNG	MRM	09	1	12		87	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẶNG VĂN CHUNG	MRM	06-07	2	15		74	DVL	Vietnamese
12	MULNIUCHKIN V.V	MRM	04	1	15		93	DVL	Russian
13	NGUYỄN VĂN NAM (KS)	MRM	400,02	2	15		70	DVL	Vietnamese
14	VŨ VĂN NAM	MRM	05	1	15		66	DVL	Vietnamese
15	DUONG VIET DUNG	MRM	08	1	10		48	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN CHI HIEU	MRM	03	1	15		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	9	9	67	681	0	13		
2	MRM	7	9	97	510	0	7		
TOTAL		16	18	164	1.191	0	20		
WEIGHT KG				164	1.191	0			

GRAND TOAL: 1.355 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: NO 9	TO: AMD - P5 - CLO	CREW: TUYỀN - MTHAO - NNam	ETA: 11:30
VANG - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MINH HOÀNG	AMD	20-22	3	20		87	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN LÊ DUY LÊ	AMD	18	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN THANH	AMD	19	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
4	HUYNH PHÚC ẨM	AMD	23-24	2	20	10	65	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VĂN QUỐC	AMD	17	1	5		58	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	P5	25	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẠO ĐÌNH HUY	P5	97	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
8	TÔNG XUÂN SINH	P5	98-99	2	17		62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TUẤN MINH	P5	20	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN ĐÌNH TỰ	P5	21	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	22	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
12	LƯƠNG VĂN THANH	P5	92-93	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOÀN ĐÌNH PHÁC	P5	94	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN CAO MẠNH	P5	26	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TƯỜNG	P5	23-24	2	14		67	YTE	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P5	95-96	2	9		67	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	P5	91	1	7		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	5	8	60	340	10	4		
2	P5	12	16	91	842	0	15		
3	CLO	0	0	0	0	3	3		
TOTAL		17	24	151	1.182	13	22		
WEIGHT KG				151	1.182	13			

GRAND TOAL: 1.346 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:00
FLIGHT: NO 10	TO: P11 - P10 - P4	CREW: CHIÊN - N.ANH - DTùng	ETA: 13:40
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THÀNH HAI	P4	59	1	13		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRƯỜNG THÀNH	P4	61	1	11		66	KH-THAC	Vietnamese
3	LAM XUÂN HAI	P4	62	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN CÔNG TÍNH	P4	57	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC HÙNG	P4	58	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HÙNG BAY	P4	60	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU THANH	P4					65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	0	0	0	0	0	5		CHUUYEN 7 PAX P11-P10
2	P10	0	0	0	0	0	0		
3	P4	7	6	43	469	0	17		
TOTAL		7	6	43	469	0	22		
WEIGHT KG				43	469	0			

GRAND TOAL: 512 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:15
FLIGHT: NO 11	TO: P3 - P9	CREW: Lhài - ĐỨC - TDUNG	ETA: 13:55
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI THE DIEN	P3	38	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI THANH CAM	P3	37	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM KHAC DOAN	P3					65	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG NGOC ANH CHIEN	P3	29	1	8	4	70	KH-THAC	Vietnamese
5	LAM TUAN KHAI	P3	39-40	2	7		63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TRUONG	P3	34	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC VINH	P3	30	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
8	LE CHI BAO	P3					76	KH-THAC	Vietnamese
9	CHAU DINH TU	P3	64	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN CONG THANH	P3	31	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THANH HAI	P3	35-36	2	10		55	KH-THAC	Vietnamese
12	DINH SONG HAI	P3	32,65	2	11		58	YTE	Vietnamese
13	LE HUU TU	P3	33	1	8		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	13	14	88	892	4	12		P9+1 VE XIN GHE PHU
2	P9	0	0	0	0	0	10+1		
TOTAL		13	14	88	892	4	22		
WEIGHT KG				88	892	4			

GRAND TOAL: 984 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/01/2023	TO: P1 - HSD - HST	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:05
FLIGHT: NO 12	FROM: VT	CREW: Hạnh - XTrường - PTUẤN	ETA: 13:45
CAM - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG NGUYỄN LONG NHÂN	P1	21	1	7		113	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN QUANG PHƯỚC	P1	27-28	2	20		77	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ QUANG TIẾN	P1	20	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG ĐỨC TOANH	P1	22	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH HẢI	P1	19	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
6	CAO ĐĂNG PHONG	P1	29	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN XUAN THƯƠNG	P1	23-24	2	12		85	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ MINH HIẾU	P1	31	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG DUY KHƯƠNG	P1	30	1	11		73	KH-THAC	Vietnamese
10	CHÂU HÙNG HUY	P1	17-18	2	9		75	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN HỒNG GIANG	P1	25-26	2	12		73	KH-THAC	Vietnamese
12	TRƯƠNG ĐỨC HÙNG	HSD	84	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ CHI CƯỜNG	HSD	85-86	2	13		63	KH-THAC	Vietnamese
14	TRINH BÍCH NGOC	HST	76-77	2	13		67	TLJOC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUAN HIEU	HST	68-69	2	19		91	TLJOC	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC THU	HST	71	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	11	15	93	830	0	15		
2	HSD	2	3	21	141	0	3		
3	HST	3	5	38	232	0	2		
TOTAL		16	23	152	1.203	0	20		
WEIGHT KG				152	1.203	0			

GRAND TOAL: 1.355 KGS

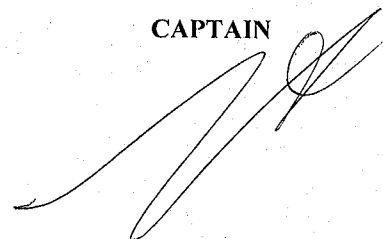
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: NO 13	TO: GTC1 - BK9 - CTK3	CREW: TUYỀN - MTHAO - NNam	ETA: 13:50
Ngày 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG CÔNG	BK9	78-19	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
2	DINH MANH DUC	CTK3	68	1	10		75	D-HANH	Vietnamese
3	ĐANG XUÂN SƠN	CTK3				27	77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	0	0	0	0	0	0	2	CHUYEN 1 PAX BK9-CTK3 CHYEN 2 PAX GTC1-CTK3
2	BK9	1	2	13	70	0	5	1	
3	CTK3	2	1	10	152	27	16		
TOTAL		3	3	23	222	27	21		
WEIGHT KG				23	222	27			

GRAND TOAL: 272 KGS

VSP REP.

VNMS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:10
FLIGHT: NO 14	TO: BK21 - P6 - TD3	CREW: CHIẾN - N.ANH - DTùng	ETA: 15:50
CAM-4			

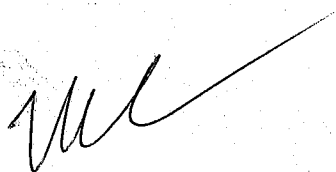
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG MANH CUONG	TD3	85	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN DINH TRONG	TD3					73	KH-THAC	Vietnamese
3	MAI VAN SON	TD3	87-88	2	17		65	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN TIEN HIỆP	TD3	86	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
5	MAI CONG LAN	TD3	83	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM NGOC SON	TD3	84	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	TELIANS	TD3	82	1	8		90	D-HANH	Russian

FLIGHT PLAN

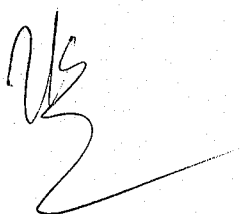
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK21	0	0	0	0	0	0	4	CHUYEN 4 PAX BK21-P6
2	P6	0	0	0	0	3	0		
3	TD3	7	7	49	498	0	22		
TOTAL		7	7	49	498	3	22		
WEIGHT KG				49	498	3			

GRAND TOAL: 550 KGS

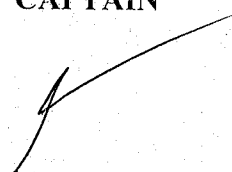
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/01/2023	TO: TD3 - P5	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:15
FLIGHT: NO 15	FROM: VT	CREW: Hạnh - XTrưởng - PTUẤN	ETA: 15:55
XANH-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH VAN PHUONG	TD3					80	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI TRONG NGHIA	TD3	99	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	LAM DANG GIANG	TD3	74	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
4	LE HOAI THANH	TD3	73	1	5		70	YTE	Vietnamese
5	DAO TUAN CHU	TD3	27	1	4		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	5	4	19	358	0	22	1	CHUYEN 1 TD3-P5 (XIN GHE PHU CHUYEN KHACH)
2	P5	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		5	4	19	358	0	22		
WEIGHT KG				19	358	0			

GRAND TOAL: 377 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN